

Số: /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chuyển tài sản từ Sở Khoa học và Công nghệ sang Trung tâm Ứng dụng Khoa học và Công nghệ Bắc Ninh số 1 để quản lý, sử dụng theo quy định

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017; Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà, đất;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 12/4/2023 của HĐND tỉnh Bắc Ninh ban hành quy định phân cấp quản lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 2743/STC-QLG&CS ngày 29/9/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chuyển tài sản từ Sở Khoa học và Công nghệ sang Trung tâm Ứng dụng Khoa học và Công nghệ Bắc Ninh số 1 để quản lý, sử dụng theo quy định, cụ thể như sau:

- Cơ quan có tài sản điều chuyển: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Danh mục tài sản điều chuyển: Theo biểu chi tiết đính kèm.
- Cơ quan, đơn vị nhận tài sản điều chuyển: Trung tâm Ứng dụng Khoa học và Công nghệ Bắc Ninh số 1, trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 2. Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp Trung tâm Ứng dụng Khoa học và Công nghệ Bắc Ninh số 1 hoàn thiện hồ sơ, thủ tục bàn giao, tiếp nhận tài sản; hạch toán kế toán; cập nhật biến động tài sản vào phần mềm quản lý tài sản công và quản lý, sử dụng tài sản theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Ứng dụng Khoa học và Công nghệ Bắc Ninh số 1 và các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh:
- + LĐVP, TPKTTH, TH;
- + Lưu: VT, KTTH.^{Hải}

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Ngô Tân Phụng

DANH MỤC TÀI SẢN ĐIỀU CHUYỂN

(Kèm theo Quyết định số QĐ-UBND ngày /10/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên tài sản (chi tiết theo từng tài sản)	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Lý do điều chuyển	Ghi chú
1	Nhà kiểm định xitec-tacximet	Nhà, đất	m2	360	2025	1.592.075.179	1.592.075.179	Đề án Nâng cao năng lực Trung tâm Ứng dụng Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2023 đã được phê duyệt quyết toán hoàn thành, Sở Khoa học và Công nghệ là đơn vị tiếp nhận, quản lý tài sản sau khi dự án hoàn thành. Để phát huy hiệu quả trong quản lý, sử dụng, khai thác tài sản thì việc điều chuyển tài sản cho Trung tâm Ứng dụng Khoa học và Công nghệ Bắc Ninh số 1 đảm bảo phù hợp thực tiễn và mục đích thực hiện dự án	
2	Nhà bảo vệ	Nhà, đất	m2	12	2025	160.920.695	160.920.695		
3	Nhà kiểm định, hiệu chuẩn thử nghiệm & hoạt động nghiên cứu ứng dụng, ươm tạo công nghệ	Nhà, đất	m2	175	2025	3.290.226.309	3.290.226.309		
4	Nhà trưng bày, giới thiệu các sản phẩm KH&CN và hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	Nhà, đất	m2	182	2025	2.502.166.367	2.502.166.367		
5	Nhà để xe	Nhà, đất	m2	40	2025	101.578.939	101.578.939		
6	Rãnh thoát nước ngoài nhà	Nhà, đất	Công trình	1	2025	168.149.751	168.149.751		
7	Cổng-tường rào	Nhà, đất	Công trình	1	2025	234.248.981	234.248.981		
8	Nền sân sau khu nhà thực nghiệm	Nhà, đất	Công trình	1	2025	409.473.595	409.473.595		
9	Sân, đường bê tông	Nhà, đất	Công trình	1	2025	1.651.968.810	1.651.968.810		
10	Nhà 2 tầng (cải tạo, sửa chữa nhà 2 tầng)	Nhà, đất	Công trình	1	2025	1.209.423.323	1.209.423.323		Trung tâm khi tiếp nhận tài sản có trách nhiệm hạch toán điều chỉnh tăng nguyên giá nhà 2 tầng, 3 tầng của đơn vị
11	Nhà 3 tầng (cải tạo, sửa chữa nhà 3 tầng)	Nhà, đất	Công trình	1	2025	820.904.686	820.904.686		
12	Nhà vệ sinh công cộng	Nhà, đất	m2	40	2025	236.940.485	236.940.485		
Tổng cộng:						12.378.077.119	12.378.077.119		